TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 541/2020/HC-PT
Ngày 17 tháng 9 năm 2020
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý
Ông Võ Văn Khoa
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 243/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2020 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2019/HC-ST ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2279/2020/QĐPT-HC ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1966 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số A2/7B, ấp Hiệp An, xã Hiệp Tân, huyện H, tỉnh Tây N;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Vy Thị L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 200/9 Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2019) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Kim Ron Tha – Giám đốc Công ty Luật TNHH Một thành viên Thành Văn thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T;

Tất cả người bị kiện đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T:

Ông Trần Quang Khải, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh T (Có mặt).

Ông Kiều Công Minh – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; Các ông Lương Nguyễn Đăng Duy, Võ Xuân Trúc – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (Đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thùy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/9/2019 và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thùy T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Trước năm 1975, cố Nguyễn Thị H được Hội thánh Đại đạo Tam kỳ Phổ độ - Tòa thánh T cấp đất theo Tờ Ân tứ thổ cư diện tích 25 x 30 mét. Năm 1994, cố H kê khai đăng ký diện tích 780 m^2 thửa 1662, tờ bản đồ số 01 (hồ sơ địa chính cũ). Ngày 14/6/1994, cố H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02876, diện tích 405 m^2, thửa 1662, tờ bản đồ số 01; diện tích còn lại 375 m^2 không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nằm trong lộ giới đường Lý Thường Kiệt, nhưng gia đình cố H vẫn là người sử dụng ổn định toàn bộ 780 m^2 không tranh chấp với ai. Năm 2006, cụ Nguyễn Ngọc T^1 (là con của cố H và là mẹ của bà T) được nhận thừa kế của cố H 227,8 m^2 và cụ T^1 được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01250/02, diện tích 151,8 m^2, thửa 50, tờ bản đồ số 20, còn lại diện tích 76 m^2 không được cấp giấy chứng nhận do nằm trong lộ giới. Năm 2016, bà Nguyễn Thị Thùy T nhận thừa kế của cụ T^1 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 151,8 m^2 nhưng thực tế gia đình bà T vẫn quản lý sử dụng ổn định, liên tục toàn bộ diện tích 227,8 m^2.

Ngày 29/12/2000, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 1139/QĐ.CT về việc phê duyệt quy hoạch giao thông nông thôn huyện H giai đoạn 1999 – 2000 nhưng cơ quan chuyên môn chưa đo đạc, cắm mốc lộ giới và chưa thông báo thu hồi đất.

Ngày 27/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 638/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt (sau đây viết tắt là Quyết định số 638).

Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 670/QĐ-UBND về việc hỗ trợ nhà, công trình khác đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thùy T để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt.

Ngày 21/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 306/QĐ-UBND về việc hỗ trợ bổ sung cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thùy T để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt.

Ngày 12/01/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh T-Chi nhánh huyện H ban hành Thông báo số 01/TB-TTPTQĐCNHT về việc chi trả tiền hỗ trợ cho các hộ dân để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt.

Không đồng ý với phương án chỉ hỗ trợ mà không bồi thường về đất nên bà T có đơn khiếu nại.

Ngày 17/4/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 620/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 620) về việc giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà T. Bà T tiếp tục khiếu nại.

Ngày 13/12/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 3039/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 3039) về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà T.

Ngày 24/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Thông báo số 76/TB-UBND về việc buộc bà T tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, cây trồng giải tỏa diện tích đất lấn chiếm trong phạm vi lộ giới 30 mét đường Lý Thường Kiệt.

Ngày 22/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện H lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 01/BB-VPHC với nội dung bà T vi phạm khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Ngày 04/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 77/QĐ-KPHQ (sau đây viết tắt là Quyết định số 77) buộc bà T trả lại đất lấn chiếm trong phạm vi lộ giới 30 mét đường Lý Thường Kiệt.

Ngày 18/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 96/QĐ-CCKPHQ (sau đây viết tắt là Quyết định số 96) về việc cưỡng chế khắc phục hậu quả đối với bà T.

Bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định số 638, 620, 3039, 77 và 96. Lý do Ủy ban nhân dân huyện H đã không thực hiện quy trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ về đất đúng quy định của pháp luật; việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T không thỏa đáng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại văn bản số 2198/UBND ngày 03/10/2019 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày: Quyết định số 3039 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà T là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T vẫn giữ nguyên Quyết định số 3039.

Tại văn bản số 1026/UBND ngày 16/10/2019 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T trình bày: Thực hiện chủ trương nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt được Ủy ban nhân dân tỉnh T phê duyệt tại Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 20/10/2015. Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng và Hội đồng này đã xây dựng Phương án số 02/PA-TTPTQĐ ngày 21/12/2016. Sau khi Hội đồng thẩm định giá tỉnh T thẩm định Phương án, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 638 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Như vậy, Quyết định số 638 được ban hành đúng quy định của pháp luật đất đai và đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T.

Tại văn bản số 1025/UBND ngày 16/10/2019 và số 1094/UBND ngày 29/10/2019 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T trình bày:

Kết quả thẩm tra, xác minh các nội dung đơn khiếu nại của bà T như sau:

Về đất: Diện tích 76 m^2 bà T đang sử dụng trong phạm vi lộ giới, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì diện tích này không được bồi thường về đất.

Về tài sản trên đất: Nhà, công trình khác của bà T không được phép xây dựng nên theo quy định tại Điều 23 Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành ban hành Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 về hỗ trợ,

hỗ trợ bổ sung nhà, công trình khác cho bà T số tiền 211.237.223 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Do bà T không tự nguyện tháo dỡ nhà, công trình, cây trồng để giao mặt bằng nên Tổ xử lý lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 22/8/2019, đến ngày 04/9/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 77. Bà T vẫn không thực hiện nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định cưỡng chế số 96 là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành các quyết định số 620, 77 và 96 là đúng quy định của Luật đất đai 2013, Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 và Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2019/HC-ST ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Các điều 18, 21 Luật Khiếu nại 2011; Khoản 2 khoản 3 Điều 69, Điều 84 Luật Đất đai 2013; Các điều 28, 57, 65 và 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H; Quyết định giải quyết khiếu nại số 620/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; Quyết định giải quyết khiếu nại số 3039/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; Quyết định số 77/QĐ-KPHQ ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; Quyết định số 96/QĐ-CCKPHQ ngày 18/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2019, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Vy Thị L giữ nguyên kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu hủy các quyết định mà bà T đã khởi kiện và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường về đất đối với 76 m^2 vì trên phần đất này có nhà ở và tài sản của gia đình 3 thế hệ của bà T tồn tại từ năm 1952 đến nay không ai tranh chấp nên đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định lộ giới đường Ca Bảo Đạo 30 mét là không có cơ sở; Quyết định số 155/QĐ-UB ngày 12/4/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh T xác định lộ giới chỉ là tạm thời và có sau khi gia đình bà T đã sử dụng đất, tim đường đã lệch nên đường Lý Thường Kiệt hiện nay không còn nằm đúng vị trí của đường Ca Bảo Đạo trước đây.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (ông Trần Quang Khải) không đồng ý kháng cáo của bà T vì 76 m^2 này không nằm trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cố H, cụ T[1] và bà T, mà nằm trong

lộ giới nên Nhà nước không ra quyết định thu hồi đất và không bồi thường về đất, chỉ hỗ trợ theo chính sách chung của tỉnh là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thùy T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt họ. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 và khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai;

Quyết định giải quyết khiếu nại số 620/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3039/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại;

Quyết định số 77/QĐ-KPHQ ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Quyết định số 96/QĐ-CCKPHQ ngày 18/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 57, 65 và 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

[3] Về nội dung:

3.1. Tại Lược đồ vị trí Động Hình Hồ, tỷ lệ 1/1000 của Phòng Họa đồ Kiều Lộ của Tòa Thánh T lập ngày 06/4/1974 thì đường Ca Bảo Đạo có chiều ngang 30 mét. Tại Quyết định số 155/QĐ-UB ngày 12/4/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh T; Quyết định số 1139/QĐ-CT ngày 28/12/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T và Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 03/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện H đều quy định lộ giới đường Ca Bảo Đạo có chiều ngang là 30 mét. Như vậy, đường Ca Bảo Đạo (nay là đường Lý Thường Kiệt) có lộ giới chiều ngang 30 mét đã được xác định từ trước năm 1975 cho đến nay.

3.2. Trước năm 1975, Tòa Thánh T cấp cho cố Nguyễn Thị H quản lý sử dụng một phần đất. Năm 1994, cố H kê khai đăng ký 780 m^2 và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1662, diện tích 405 m^2 (phần còn lại 375 m^2 nằm trong lộ giới 30 mét nên không được cấp). Sau đó cụ Nguyễn Ngọc T^1 được nhận thừa kế của cố H một phần đất và cụ T^1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/2006, thửa đất số 50, diện tích 151,8 m^2. Sau khi cụ T^1 chết, bà Nguyễn Thị Thùy T kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 50, diện tích 151,8 m^2. Tại các sơ đồ trong các Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp cho cố H, cụ T[1], bà T đều thể hiện lộ giới đường Ca Bảo Đại chiều ngang là 30 mét. Khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Cố H, cụ T[1] và bà T đều không có khiếu nại đối với phần diện tích Nhà nước xác định nằm trong lộ giới nhưng gia đình bà T vẫn đang quản lý sử dụng.

3.3. Tại Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 03/10/2016, bà Nguyễn Thị Thùy T cũng xác định rõ bà đăng ký thửa đất số 50, diện tích 151,8 m^2 và không có kê khai, đăng ký diện tích 76 m^2 mà bà đang khiếu nại.

3.4. Quy hoạch lộ giới đường Ca Bảo Đại chiều ngang 30 mét đã được Tòa Thánh T xác định rõ từ trước khi cấp đất cho cố H, cho đến nay quy hoạch lộ giới vẫn không thay đổi và đã được xác định bằng các quyết định của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Phạm vi lộ giới đã được xác định từ rất lâu, trước khi cố H, cụ T[1], bà T được cấp quyền sử dụng đất, nên việc bà T sử dụng 76 m^2 thuộc lộ giới không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ như bà T trình bày, mà là thuộc trường hợp lấn chiếm đất đai quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Từ các căn cứ trên, Ủy ban nhân dân huyện H không bồi thường về đất đối với diện tích bà T lấn chiếm lộ giới 76 m^2 là đúng quy định của pháp luật và từ đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T bác đơn khiếu nại của bà T là đúng pháp luật.

Bà T không chấm dứt hành vi lấn chiếm lộ giới nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và sau khi vận động thuyết phục mà bà T không tự giác thực hiện nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định cưỡng chế thi hành là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy T và lời đề nghị của người đại diện hợp pháp của bà T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2019/HC-ST ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T về việc yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng đường Lý Thường Kiệt; Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1966, cư trú tại số 120 Lý Thường Kiệt, ấp Hiệp

An, xã Hiệp Tân, huyện H, tỉnh T (lần đầu); Quyết định giải quyết khiếu nại số 3039/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1966, cư trú tại số 120 Lý Thường Kiệt, ấp Hiệp An, xã Hiệp Tân, huyện H, tỉnh T (lần hai); Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 77/QĐ-KPHQ ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; Quyết định số 96/QĐ-CCKPHQ ngày 18/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

3. Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0001200 ngày 31/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công